



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Đầu tư**

Số 02221000075
Số 3550787247

Ngày 19 tháng 11 năm 2013
Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 02221000075 được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2013 và có giá trị trong 45 năm. Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 3550787247 ngày 26 tháng 4 năm 2017.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0201579242

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh ba lần và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Chang Cheng Yung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Dương Kim Khôi	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cấp Trọng Cường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00154-20-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Công ty Cổ phần Cánh Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		187.380.893.752	168.306.296.161
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.788.536.512	1.417.757.972
Tiền	111		24.788.536.512	1.417.757.972
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.300.000.000	3.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3.300.000.000	3.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.626.297.283	77.333.403.123
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	73.966.350.661	69.070.403.361
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		93.205.720	2.607.296.690
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.566.740.902	5.655.703.072
Hàng tồn kho	140		17.103.868.716	12.880.339.110
Hàng tồn kho	141	9	17.103.868.716	12.880.339.110
Tài sản ngắn hạn khác	150		64.562.191.241	73.374.795.956
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	4.847.380.728	22.348.131.845
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		59.714.810.513	51.018.373.820
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	-	8.290.291
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		933.373.530.692	1.071.991.319.099
Tài sản cố định	220		619.235.818.095	737.929.022.126
Tài sản cố định hữu hình	221	10	618.878.799.344	737.175.528.363
Nguyên giá	222		1.054.411.171.979	1.051.911.171.979
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(435.532.372.635)	(314.735.643.616)
Tài sản cố định vô hình	227	11	357.018.751	753.493.763
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.625.356.249)	(1.228.881.237)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	982.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	982.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		314.137.712.597	333.080.296.973
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	314.137.712.597	333.080.296.973
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.120.754.424.444	1.240.297.615.260

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		154.673.763.195	351.096.439.831
Nợ ngắn hạn	310		95.059.554.684	119.845.999.846
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	49.615.787.726	61.571.393.370
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		553.653.315	5.388.347
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	84.316.019	-
Phải trả người lao động	314		10.252.091.665	9.737.242.119
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.769.385.503	6.516.421.562
Phải trả ngắn hạn khác	319		182.405.558	162.075.600
Vay ngắn hạn	320	17	28.544.925.898	41.817.388.848
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	2.056.989.000	36.090.000
Nợ dài hạn	330		59.614.208.511	231.250.439.985
Vay dài hạn	338	17	59.614.208.511	231.250.439.985
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		966.080.661.249	889.201.175.429
Vốn chủ sở hữu	410	19	966.080.661.249	889.201.175.429
Vốn cổ phần	411	20	632.500.000.000	632.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		632.500.000.000	632.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(94.000.000)	(94.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		333.674.661.249	256.795.175.429
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		200.195.175.429	108.546.524.002
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		133.479.485.820	148.248.651.427
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.120.754.424.444	1.240.297.615.260

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cấp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****Mẫu số B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	791.771.660.788	757.329.066.444
Giá vốn hàng bán	11		602.049.255.613	543.363.977.082
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		189.722.405.175	213.965.089.362
Doanh thu hoạt động tài chính	21		475.672.657	1.052.098.505
Chi phí tài chính	22	24	16.532.159.661	33.799.300.020
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.714.547.815	33.682.698.263
Chi phí bán hàng	25	25	15.838.861.800	8.564.531.010
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.816.858.099	24.405.705.410
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		134.010.198.272	148.247.651.427
Thu nhập khác	31		-	1.000.000
Chi phí khác	32		530.712.452	-
Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(530.712.452)	1.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		133.479.485.820	148.248.651.427
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		133.479.485.820	148.248.651.427
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.031	2.344

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:


Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cấp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu số B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	133.479.485.820	148.248.651.427
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	130.442.863.863	129.173.231.570
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	29.784.671	18.753.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(388.430.225)	(528.291.752)
Chi phí lãi vay	06	15.714.547.815	33.682.698.263
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	279.278.251.944	310.595.042.508
Biến động các khoản phải thu	09	(8.963.750.174)	(50.276.441.729)
Biến động hàng tồn kho	10	(3.241.529.606)	(5.979.194.930)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(9.758.278.864)	3.830.274.507
Biến động chi phí trả trước	12	27.193.675.661	(16.073.452.294)
		284.508.368.961	242.096.228.062
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.491.150.163)	(37.618.315.435)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.979.101.000)	(4.963.910.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	261.038.117.798	199.514.002.627
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.500.000.000)	(23.082.995.391)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.100.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi từ bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	60.100.000.000	45.753.375.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	371.139.837	952.507.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.128.860.163)	22.622.887.472

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(184.908.694.424)	(232.000.000.000)
Cổ tức đã trả	36	(50.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(235.508.694.424)	(232.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	23.400.563.211	(9.863.109.901)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)	60	1.417.757.972	11.299.620.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(29.784.671)	(18.753.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	24.788.536.512	1.417.757.972

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cap Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 157 nhân viên (1/1/2019: 160 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Cánh Xanh VIP

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bốc dỡ container;
- Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch;
- Hoạt động lai dắt tàu;
- Hoạt động khác;

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	628.436.006.079	87.636.580.485	18.888.207.571	56.810.866.653	791.771.660.788
Kết quả kinh doanh của bộ phận					189.722.405.175
Chi phí không phân bổ					(56.242.919.355)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					133.479.485.820

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lại đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	591.081.496.558	112.575.539.108	17.462.675.926	36.209.354.852	757.329.066.444
Kết quả kinh doanh của bộ phận					213.965.089.362
Chi phí không phân bổ					(65.716.437.935)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					148.248.651.427

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lãi đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	58.707.731.402	8.186.903.326	1.764.513.500	8.873.943.335	77.533.091.563
Tài sản không phân bổ					1.043.221.332.881
Tổng tài sản					1.120.754.424.444
Nợ phải trả của bộ phận	39.380.479.274	5.491.681.743	1.183.615.610	3.560.011.099	49.615.787.726
Các khoản nợ không phân bổ					105.057.975.469
Tổng nợ phải trả					154.673.763.195

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu vốn	2.500.000.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	120.796.729.019
Khấu hao tài sản cố định vô hình	396.475.012

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	53.908.187.597	10.267.185.348	1.592.641.988	8.958.091.500	74.726.106.433 1.165.571.508.827
Tổng tài sản					1.240.297.615.260
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	48.055.347.340	9.152.471.639	1.419.728.010	2.943.846.381	61.571.393.370 289.525.046.461
Tổng nợ phải trả					351.096.439.831

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu vốn	23.082.995.391
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	119.527.096.742
Khấu hao tài sản cố định vô hình	396.474.996

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cánh Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	1.159.161.808	78.440.395
Tiền gửi ngân hàng	23.629.374.704	1.339.317.577
	24.788.536.512	1.417.757.972

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.300.000.000	(*)	3.300.000.000	(*)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.051.584.600	688.396.775
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	20.094.189.732	18.438.731.795
Công ty TNHH Tuyền Container T.S Hà Nội	5.454.082.157	4.580.110.516
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.241.765.140	576.327.675
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	10.083.150	227.181.350
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	-	755.999
Bên thứ ba		
Maersk Line A/S	16.069.137.648	18.837.605.489
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	15.075.286.102	12.127.273.522
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	7.298.477.988	6.312.982.920
Yang Ming Marine Transport Corporation	3.560.424.960	3.630.887.479
Các khách hàng khác	4.111.319.184	3.650.149.841
	73.966.350.661	69.070.403.361

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Thanh toán hộ các hãng tàu	2.346.698.818	3.859.721.485
Phải thu bồi thường bảo hiểm	631.276.185	1.566.558.130
Lãi phải thu	45.652.055	28.361.667
Các khoản phải thu khác	543.113.844	201.061.790
	3.566.740.902	5.655.703.072

9. Hàng tồn kho

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
		Giá gốc
Công cụ và dụng cụ	17.103.868.716	12.880.339.110

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	393.145.072.964	56.879.235.381	597.834.901.284	4.051.962.350	1.051.911.171.979
Mua trong năm	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Số dư cuối năm	393.145.072.964	56.879.235.381	600.334.901.284	4.051.962.350	1.054.411.171.979
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	87.904.658.922	19.466.211.778	204.842.454.293	2.522.318.623	314.735.643.616
Khấu hao trong năm	30.900.438.660	9.316.125.336	79.790.478.115	789.686.908	120.796.729.019
Số dư cuối năm	118.805.097.582	28.782.337.114	284.632.932.408	3.312.005.531	435.532.372.635
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	305.240.414.042	37.413.023.603	392.992.446.991	1.529.643.727	737.175.528.363
Số dư cuối năm	274.339.975.382	28.096.898.267	315.701.968.876	739.956.819	618.878.799.344

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 537.721 triệu VND (1/1/2019: 642.143 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 309 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: Không có).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.228.881.237
Khấu hao trong năm	396.475.012
Số dư cuối năm	1.625.356.249
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	753.493.763
Số dư cuối năm	357.018.751

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 357 triệu VND (1/1/2019: 746 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 35 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: Không có).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	982.000.000	74.360.171.595
Tăng trong năm	-	23.202.694.883
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(96.373.012.478)
Chuyển sang hàng tồn kho	(982.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trong năm	-	(207.854.000)
Số dư cuối năm	-	982.000.000

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phí bảo hiểm trả trước	1.589.871.121	997.168.436
Công cụ dụng cụ	3.257.509.607	2.483.663.638
Chi phí nạo vét, duy tu khu nước trước bến	-	18.867.299.771
	4.847.380.728	22.348.131.845

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	312.176.019.330	20.904.277.643	333.080.296.973
Tăng trong năm	-	6.594.332.000	6.594.332.000
Phân bổ trong năm	(9.249.659.832)	(16.287.256.544)	(25.536.916.376)
Số dư cuối năm	302.926.359.498	11.211.353.099	314.137.712.597

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**14. Các khoản phải trả người bán****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	9.567.212.543	4.928.702.274
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh	12.658.345.820	16.915.578.381
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	8.302.759.676	9.671.619.252
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4.057.082.797	1.049.803.904
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	4.995.097.636	379.241.501
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	5.765.593.340	57.309.010
Công ty TNHH Phúc Nam	-	11.093.364.360
Công ty TNHH Tâm Cảng Đình Vũ	-	10.015.372.950
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải		
Nhận Biển Việt Nam	-	2.225.288.500
Các nhà cung cấp khác	4.269.695.914	5.235.113.238
	49.615.787.726	61.571.393.370

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	1/1/2019	Số phải nộp	Số đã bù trừ	Số đã nộp	31/12/2019
	VND	trong năm	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	35.494.268.462	(35.494.268.462)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(8.290.291)	889.516.734	-	(796.910.424)	84.316.019
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	(8.290.291)	36.386.785.196	(35.494.268.462)	(799.910.424)	84.316.019

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.097.605.714	5.874.208.062
Trích trước chi phí tiền điện	287.732.039	552.064.198
Trích trước chi phí nâng hạ tàu	949.047.750	-
Trích trước chi phí khác	435.000.000	90.149.302
	3.769.385.503	6.516.421.562

17. Các khoản vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	VND	8,3%	2021	44.341.745.562	207.341.745.562
Công ty Cổ phần Container Việt Nam (**)	VND	7,0% - 8,3%	2021	43.817.388.847	65.726.083.271
				88.159.134.409	273.067.828.833
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(28.544.925.898)	(41.817.388.848)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				59.614.208.511	231.250.439.985

(*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 618.879 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 737.176 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(**) Khoản vay dài hạn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Container Việt Nam, không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	36.090.000	-
Trích lập trong năm	6.000.000.000	5.000.000.000
Sử dụng trong năm	(3.979.101.000)	(4.963.910.000)
Số dư cuối năm	2.056.989.000	36.090.000

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	632.500.000.000	(94.000.000)	113.546.524.002	745.952.524.002
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	148.248.651.427	148.248.651.427
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2019	632.500.000.000	(94.000.000)	256.795.175.429	889.201.175.429
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	133.479.485.820	133.479.485.820
Trả cổ tức	-	-	(50.600.000.000)	(50.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	632.500.000.000	(94.000.000)	333.674.661.249	966.080.661.249

Công ty Cổ phần Cảnh Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.250.000	632.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 9 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 50.600 triệu VND cho năm 2018 (tương đương 8% vốn cổ phần của Công ty).

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	973.809	22.504.733.122	2.279	52.758.568
EUR	8	198.016	470	12.353.903
		22.504.931.138		65.112.471

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**23. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Dịch vụ bốc dỡ container	628.436.006.079	591.081.496.558
Phí chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	87.636.580.485	112.575.539.108
Phí tàu lai	18.888.207.571	17.462.675.926
Dịch vụ khác	56.810.866.653	36.209.354.852
	791.771.660.788	757.329.066.444

24. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	15.714.547.815	33.682.698.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	787.827.175	97.848.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.784.671	18.753.000
	16.532.159.661	33.799.300.020

25. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí hoa hồng nâng hạ tàu	15.838.861.800	8.564.531.010

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân công	9.978.290.500	11.651.996.462
Chi phí khấu hao	2.076.767.936	2.145.421.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	240.975.602	443.453.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.838.470.364	5.854.896.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.682.353.697	4.309.938.477
	23.816.858.099	24.405.705.410

27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân công	36.068.032.100	34.310.751.662
Chi phí khấu hao và phân bổ	130.442.863.863	129.173.231.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	468.781.550.940	406.127.027.243
Chi phí khác	6.412.528.609	6.723.203.027

28. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	133.479.485.820	148.248.651.427
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.347.948.582	14.824.865.143
Chi phí không được khấu trừ	10.985.909	215.058.977
Ưu đãi thuế	(13.358.934.491)	(15.039.924.120)
	-	-

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**
(tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2015) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028).

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho kỳ kế toán báo cáo là 128.479.485.820 VND (2018: 148.248.651.427 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 63.250.000 cổ phiếu (2018: 63.250.000 cổ phiếu).

Chi tiết lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	133.479.485.820	148.248.651.427
Số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.000.000.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>128.479.485.820</u>	<u>148.248.651.427</u>

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ		
Cung cấp dịch vụ	9.356.246.386	4.194.070.247
Mua dịch vụ	35.517.398.282	33.153.154.258
Trả gốc vay	21.908.694.424	2.000.000.000
Chi phí lãi vay	4.613.174.137	5.423.786.345

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	210.493.209.038	202.964.314.314
Chi phí hoa hồng	10.776.058.050	8.472.594.000
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh		
Mua dịch vụ	92.640.241.828	84.542.441.834
Cung cấp dịch vụ	724.318.818	644.969.500
Công ty Cổ phần Container Miền Trung		
Mua dịch vụ	1.126.929.091	2.334.472.502
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh		
Mua dịch vụ	66.121.638.603	51.563.640.811
Cung cấp dịch vụ	13.192.158.818	175.384.500
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh		
Mua dịch vụ	14.297.779.154	7.225.688.449
Cung cấp dịch vụ	-	144.690.000
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Mua dịch vụ	21.782.944.041	27.425.641.438
Cung cấp dịch vụ	7.209.951.900	5.903.947.390
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	28.990.533.384	23.768.526.104
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.744.425.928	1.431.766.751



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản nợ tiềm ẩn

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, Kiểm toán Nhà nước đã có kiến nghị tăng thu, giảm chi ngân sách Nhà nước từ kết quả kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công năm 2017 tại Tổng Cục Thuế và Chuyên đề công tác hoàn thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) tại Tổng Cục Thuế và 19 tỉnh, thành phố. Theo đó, tại cuộc họp với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 10 năm 2018, Công ty được thông báo phải hoàn trả lại số tiền 9.954.508.833 VND trên tổng số thuế GTGT mà Công ty đã được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng là 31.471.502.631 VND cho giai đoạn từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016 với lý do dự án đã đi vào hoạt động, phát sinh doanh thu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, Công ty đã gửi Công văn số 106/CT-KT khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền về khoản tiền thuế GTGT nêu trên, do đây là số thuế GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư số 2, từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016, ghi rõ tại giấy chứng nhận đầu tư của Công ty, và thỏa mãn điều kiện được hoàn thuế theo các quy định về thuế GTGT hiện hành.

Ngày 1 tháng 3 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có Công văn số 218/KTNN-CNII gửi Tổng Cục Thuế đề nghị Tổng Cục Thuế chỉ đạo Cục Thuế Thành phố Hải Phòng kiểm tra, xác định chính xác số thuế giá trị gia tăng được hoàn để làm căn cứ truy thu số tiền thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có công văn số 294/KTNN-CNII gửi Công ty đề nghị Công ty làm việc với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng để giải quyết vụ việc.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận một khoản nợ trên báo cáo tài chính cho số thuế phải hoàn trả nói trên do Cục Thuế Thành phố Hải Phòng chưa tiến hành kiểm tra và có kết luận về việc hoàn trả thuế này.

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cập Trọng Cường
Giám đốc